TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CĐ** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 3 năm 2025
"V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CĐ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương.

Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tâm, bà Huỳnh Hoa Hường.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Trí, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố CĐ, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 334/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về "*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 17/02/2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1978; Địa chỉ: ấp Mỹ Hưng C, xã Mỹ D, huyện D, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1984; Địa chỉ: số 5x, khóm C, phường Q, thành phố CĐ, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà S trình bày:

Bà và ông Thanh K tự tìm hiểu quen biết và chung sống với nhau năm 2014; có đăng ký kết hôn số 04 ngày 21/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến tháng 4/2024 thì phát sinh mâu thuẫn không còn sống chung cho đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông Thanh K thường xuyên đánh bạc dẫn đến thiếu nợ không có khả năng trả. Bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông Thanh K vẫn không từ bỏ đánh bạc dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Bà và ông Thanh K không có con chung. Tự thỏa thuận tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà và ông Thanh K không có nợ chung.

Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông Thanh K; không yêu cầu xem xét về tài sản chung, nợ chung.

Kết quả xác minh tại Ban khóm C, phường Q, thành phố CĐ cho biết, ông Nguyễn Thanh K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ số 5x, khóm C, phường Q, thành phố CĐ, tỉnh An Giang. Hiện nay đi đâu, làm gì không rõ.

Ông Nguyễn Văn Ri là anh rể của ông Thanh K cho biết có nhận thay văn bản và có giao lại cho ông Thanh K, việc ông Thanh K có đến Tòa án không thì ông không rõ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Thanh K, nhưng ông Thanh K vắng mặt nên không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên dơn, bị đơn vắng mặt;

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà S được ly hôn với ông Thanh K. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không đề cặp xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn. Bị đơn cư trú trên địa bàn thành phố CĐ. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố CĐ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thanh K được tống đạt hợp lệ tham gia phiên tòa 2 lần nhưng vắng mặt không lý do, Hội đồng xét xử tiến hành vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân, bà S và ông Thanh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hậu Thành, huyện Cái Bè,

tỉnh Tiền Giang, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04, ngày 21/01/2014 nên được xem là hôn nhân hợp pháp làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Xét, vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, trong thời gian chung sống bà S, ông Thanh K xảy ra mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau, trong suốt quá trình giải quyết vụ án vợ chồng không chủ đồng hàn gắn tình cảm. Từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân của bà S và ông Thanh K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà S ly hôn với ông Thanh K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 như đề nghị của Kiểm sát viên.

[4] Về con chung: Bà S và ông Thanh K không có con chung.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Về án phí hôn nhân sơ thẩm, nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bị đơn không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147; Điều 227; Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị S sinh năm 1978 được ly hôn với ông Nguyễn Thanh K, sinh năm 1984.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004056 ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố CĐ; bà S đã nộp đủ án phí.

Ông Nguyễn Thanh K không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ nhận tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. CĐ (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TP.CĐ (1);
- UBND xã Hậu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương